



Bài báo nghiên cứu

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Nguyễn Bình

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Nguyễn Bình – Email: binhnguyennguyen@ncehcm.edu.vn

Ngày nhận bài: 21-5-2024; ngày nhận bài sửa: 05-6-2024; ngày duyệt đăng: 29-7-2024

TÓM TẮT

Xuất phát từ tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) đối với hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non (GVMN), bài viết này khảo sát 160 người gồm cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV), sinh viên (SV) ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) đã tốt nghiệp và đang học tập tại ba trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (CĐSPTW) nhằm tìm hiểu những khó khăn, thuận lợi trong giáo dục ĐĐNN. Kết quả cho thấy CBQL, GV, SV đánh giá những yếu tố thuận lợi được nghiên cứu đưa ra có điểm trung bình tương ứng mức cao, đồng thời có những khó khăn nhất định trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW. Từ kết quả này, bài viết đề xuất hai biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn và phát huy những thuận lợi, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Từ khóa: giáo dục; thuận lợi; khó khăn; giáo dục mầm non; đạo đức nghề nghiệp

1. Đặt vấn đề

Đạo đức nghề nghiệp từ lâu đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm (Bui, 2016; Duong et al., 2016; Ha, 2017; Nguyen, 2019; Nguyen, 2019; La et al., 2021; Nguyen, 2023). Có thể nói, ĐĐNN là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội phù hợp với những yêu cầu đặc trưng của nghề nghiệp, đòi hỏi mọi cá nhân phải tuân thủ khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Trong lĩnh vực GDMN, ĐĐNN có thể hiểu là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội mà GVMN cần phải có và cần phải tuân thủ khi hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Theo đó, giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có nội dung, bằng phương pháp khoa học để hình thành ở SV những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội của nghề GVMN từ đó định hướng và điều chỉnh hành vi ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

Đào tạo đội ngũ GVMN có trình độ, kỹ năng nghề, phẩm chất ĐĐNN để thực hiện được nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của

Cite this article as: Nguyen Nguyen Binh (2024). Professional ethics education for early childhood students in national colleges of education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(7), 1343-1353.

xã hội là nhiệm vụ trọng tâm của các trường CDSPTW. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức về chuyên môn thì việc bồi dưỡng ĐĐNN cho đội ngũ này cũng đóng vai trò quan trọng bởi lẽ đây là lực lượng làm việc trực tiếp trên trẻ trong độ tuổi “thời kì vàng của sự phát triển”. Chính vì lẽ đó, tại các trường CDSPTW, việc giáo dục ĐĐNN được tiến hành từ khi bắt đầu chương trình đào tạo, thông qua các hoạt động trong giờ học và ngoại khóa. Trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường đã có những thuận lợi nhất định nhưng cũng không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc. Việc tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn này là điều cần thiết để đề ra các biện pháp khắc phục khó khăn và phát huy thuận lợi, góp phần nâng cao hiệu quả ĐĐNN cho SV trong điều kiện hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thuận lợi và khó khăn khi giáo dục ĐĐNN tại các trường CDSPTW

2.1.1. Phương pháp nghiên cứu

Việc thu thập số liệu được thực hiện tại 3 trường CDSPTW. Tổng số người tham gia khảo sát là 160, gồm 40 CBQL và GV; 120 SV tại các trường CDSPTW.

Khảo sát được thực hiện nhằm thu thập thông tin về: (1) Khó khăn khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN; (2) Thuận lợi khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Phiếu khảo sát được thiết kế gồm 2 phần: phần 1 về thông tin cá nhân (chức vụ, trình độ, thâm niên công tác); phần 2 gồm các câu hỏi đóng được thiết kế theo thang đo Likert 3 mức độ.

Bảng hỏi được thiết kế theo thang tỉ lệ với khoảng cách điểm trung bình giữa các mức được tính theo công thức $(3-1)/3 = 0,67$. Trong đó, 1 là mức điểm thấp nhất và 3 là mức điểm cao nhất. Điểm trung bình (ĐTB) ứng với các mức độ đánh giá được quy định như sau:

Điểm trung bình	Ý nghĩa
Từ 1,00-1,67	Thấp
Từ 1,67-2,34	Trung bình
Từ 2,34-3,00	Cao

Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp phỏng vấn nhằm thu thập luận cứ để bổ sung cơ sở định tính cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Số lượng người được phỏng vấn là 10 gồm CBQL, GV, SV tại 03 trường CDSPTW.

2.2.2. Kết quả nghiên cứu

a. Thuận lợi khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các Trường CDSPTW (xem Bảng 1)

Bảng 1. Thuận lợi khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

STT	Thuận lợi	CBQL, GV		SV	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Có sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường	2,78	1	2,94	2
2	Môi trường giáo dục thuận lợi	2,75	2	2,93	3
3	Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường	2,75	2	2,98	1
4	Có sự nhiệt tình tham gia các hoạt động do nhà trường tổ chức của SV	2,68	3	2,87	4
ĐTB chung		2,74		2,93	

Kết quả nghiên cứu cho thấy những thuận lợi khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN có ĐTB trải dài từ 2,68 đến 2,98 tương ứng với mức cao ở cả CBQL, GV và SV. Như vậy, trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW đã có những thuận lợi nhất định góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Trong các yếu tố thuận lợi được đưa ra khảo sát, yếu tố “Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong Nhà trường” qua đánh giá của CBQL, GV và SV có ĐTB lần lượt là 2,75 (thứ bậc 2) và 2,98 (thứ bậc 1). Tuy nhiên, giữa đánh giá của CBQL, GV có sự “vênh” nhỏ so với đánh giá của SV, cụ thể: SV tại Trường CĐSPTW – Nha Trang cho rằng việc phối hợp giữa các lực lượng này đóng vai trò quan trọng trong giáo dục ĐĐNN cho SV, đồng thời SV cũng cho biết việc cho rằng yếu tố này là thuận lợi vì khi tổ chức các hoạt động đặc biệt là các hoạt động giáo dục ĐĐNN đều có sự tham gia/hiện diện của các Thầy/Cô trong Ban Giám hiệu, các Thầy/Cô ở Phòng/Ban và GV, sự phối hợp đồng bộ sẽ mang lại hiệu quả khi giáo dục ĐĐNN và người thụ hưởng sẽ là các em (Dinh, 2024). Đánh giá của CBQL, GV về yếu tố thuận lợi này cho biết, tại trường công tác giáo dục ĐĐNN cho SV đặc biệt là SV ngành GDMN được chú trọng, có sự quán triệt từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu, chuyên viên các Phòng/Ban và GV, điều này được thể hiện thông qua sự đồng bộ trong cách quản lý cũng như sự chỉ đạo sát sao, đôn đốc thực hiện, tham mưu, đưa ra biện pháp, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ĐĐNN tại trường (Nguyen, 2024). Điều này cho thấy từ việc chỉ đạo Ban Giám hiệu luôn chú trọng đến việc giáo dục ĐĐNN, các chuyên viên ở Phòng/Ban luôn hỗ trợ và GV lồng ghép giáo dục ĐĐNN thông qua các bài giảng để giúp SV hiểu được tầm quan trọng và hiểu được giá trị cũng như giúp SV trang bị những phẩm chất cần thiết cho nghề nghiệp. Đây là yếu tố thuận lợi thể hiện sự “đoàn kết” trong nội tại của các trường CĐSPTW trong việc đưa ra chủ trương và thống nhất triển khai thực hiện chủ trương nhằm mang đến hiệu quả tốt nhất cho người học.

Trong các yếu tố thuận lợi mà chúng tôi tiếp cận, CBQL, GV và SV đều đề cao yếu tố thuận lợi “Có sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường” khi đánh giá thuận lợi này lần lượt với ĐTB = 2,78 (thuộc mức cao, thứ bậc 1) và 2,94 (thuộc mức cao, thứ bậc 2). Đây là một điểm sáng trong giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, thể hiện sự sáng suốt của lãnh đạo và sự trách nhiệm của ban giám hiệu các trường CĐSPTW vì mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong bối cảnh mới. SV N.H.M – Trường CĐSPTW TPHCM cho biết khi Đoàn Thanh niên – Hội SV của trường tổ chức các chương trình “Đồng hành cùng SV CM3”, “Mùa hè xanh”, “Ngày hội việc làm”... thì Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã luôn tạo điều kiện về nhân lực, vật lực, tài chính cho các chương trình, đồng thời định hướng cho SV khi lập kế hoạch và tổ chức các chương trình này sao cho đạt hiệu quả và đúng đường lối, chủ trương của trường.

Tiếp đến, với yếu tố “Môi trường giáo dục thuận lợi” tiếp tục được CBQL, GV và SV đánh giá với ĐTB thuộc mức cao, điều này chứng minh bên cạnh các thuận lợi về sự quan tâm của Đảng ủy và Ban Giám hiệu, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong trường thì hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW

cũng nhận được thuận lợi khác về môi trường giáo dục như: cả ba trường CDSPTW trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nên được tham gia trực tiếp vào các công tác lấy yếu về việc cập nhật, đổi mới chương trình GDMN; bên cạnh đó, việc trú đóng tại các thành phố lớn là trung tâm học tập của cả nước với điều kiện cơ sở vật chất tương đối đáp ứng với nhu cầu học tập, các trường đều có kí túc xá rộng, đa số SV nội trú nên dễ dàng tham gia các hoạt động được tổ chức tại trường.

Yếu tố thuận lợi “Có sự nhiệt tình tham gia các hoạt động do Nhà trường tổ chức của SV” mặc dù được CBQL, GV và SV đánh giá với ĐTB ở mức cao nhưng đều xếp thứ bậc cuối. Điều này đến từ việc bên cạnh các SV năng nổ, tuân thủ theo nội quy, quy định của Nhà trường thì vẫn còn rải rác một số SV chưa tuân thủ quy định về trang phục khi đến trường, chưa đúng giờ, ít tham gia vào một số hoạt động ngoài giờ lên lớp, ý thức phấn đấu chưa cao, chưa chủ động tích cực trong học tập (Nguyễn, 2024). Chính vì lẽ đó, mặc dù đây là yếu tố thuận lợi xét trên bình diện được SV – đối tượng trong quá trình giáo dục ĐĐNN nhiệt tình tham gia vào các hoạt động do Nhà trường tổ chức, từ đó giúp công tác giáo dục ĐĐNN đạt hiệu quả cao hơn nhưng đây cũng là một “tín hiệu” để các lực lượng giáo dục trong Nhà trường “chấn chỉnh” kịp thời để hiệu quả giáo dục ĐĐNN đạt tối ưu và đồng đều.

Tóm lại, CBQL, GV và SV đều đánh giá các thuận lợi do nghiên cứu đưa ra với ĐTB tương ứng với thang điểm chuẩn mức cao khi có ĐTB dao động từ 2,87 đến 2,98, ĐTB chung là 2,74 và 2,93. Tất cả những thuận lợi này đã tạo nên một môi trường phù hợp để giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN có hiệu quả hơn. Trong đó, nổi trội nhất là yếu tố thuận lợi “Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong Nhà trường”. Một lần nữa khẳng định chân lí “đoàn kết là sức mạnh” và cho thấy tại các trường CDSPTW hiện nay, yếu tố phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong Nhà trường là nền tảng tạo sự thuận lợi trong công tác giáo dục ĐĐNN. Sự phối hợp giữa các lực lượng trong Nhà trường tại các trường CDSPTW cũng chính là yếu tố then chốt để các trường vẫn giữ vững “thương hiệu” là đơn vị có uy tín trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành GDMN cho cả nước.

Chúng tôi thiết nghĩ những thuận lợi này sẽ là bàn đạp để các trường có thể thực hiện nhiệm vụ giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Lẽ đương nhiên, các thuận lợi này cần được các trường CDSPTW khai thác triệt để phát huy mạnh mẽ hiệu quả công tác nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Bên cạnh việc phát huy những thuận lợi thì việc tìm hiểu những khó khăn là điều cần thiết để đưa ra các giải pháp tháo gỡ từ đó nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

b. Khó khăn khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CDSPTW (xem Bảng 2)

Bảng 2. Khó khăn khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

STT	Khó khăn	CBQL, GV		SV	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Những quy định về đào tạo ngành GDMN không dành nhiều thời gian bồi dưỡng những vấn đề về giáo dục ĐĐNN	2,35	1	2,28	2
2	Số lượng SV trong lớp tăng	2,23	2	2,30	1
3	Mất cân đối về số lượng giảng viên dẫn đến một số giảng viên phải dạy các học phần chưa đúng với chuyên môn được đào tạo	1,93	4	2,03	5
4	Nguồn tư liệu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN còn hạn chế	2,08	3	2,17	4
5	Công tác nghiên cứu khoa học của SV chưa lan tỏa	2,08	3	2,22	3
ĐTB chung		2,21		2,20	

Số liệu thống kê ở Bảng 2 chỉ ra những khó khăn mang tính khách quan trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN được chúng tôi đề cập chỉ đạt mức trung bình khi có ĐTB trải từ 1,93 đến 2,35. ĐTB chung là 2,21 đối với CBQL, GV và 2,20 đối với SV. Kết quả này chứng minh việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW đã có những khó khăn nhất định, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của những khó khăn này khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN không đáng kể (mức trung bình). Cụ thể:

CBQL và GV đánh giá khó khăn “Những quy định về đào tạo ngành GDMN không dành nhiều thời gian bồi dưỡng những vấn đề về giáo dục ĐĐNN” với ĐTB cao nhất là 2,35 (mức cao, thứ bậc 1). Đứng từ góc độ của CBQL và GV thì đánh giá này hoàn toàn chính xác, vì hiện nay, chương trình đào tạo ngành GDMN tại các trường CĐSPTW không có học phần riêng để giáo dục ĐĐNN cho SV mà quá trình này được lồng ghép, tích hợp vào các học phần chung, cơ sở ngành và chuyên ngành. Bên cạnh đó, nếu đã xem ĐĐNN cho SV ngành GDMN là quan trọng thì những quy định về đào tạo ngành GDMN cũng cần có những ràng buộc nhất định về vấn đề này để SV có điều kiện cần và đủ bồi dưỡng ĐĐNN cho bản thân. Các khó khăn khác như: “Số lượng SV tăng” (ĐTB = 2,23); “Mất cân đối về số lượng giảng viên dẫn đến một số giảng viên phải dạy các học phần chưa đúng với chuyên môn được đào tạo” (ĐTB = 1,93); “Nguồn tư liệu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN còn hạn chế” (ĐTB = 2,08); “Công tác nghiên cứu khoa học của SV chưa lan tỏa” (ĐTB = 2,08) có ĐTB không cao.

Riêng đối với đánh giá của SV, ĐTB chung là 2,20 tương ứng với mức trung bình, nghĩa là các khó khăn do khảo sát đưa ra được SV xác định là khó khăn, nhưng mức độ ảnh hưởng dừng ở trung bình. Trong đó, khác với đánh giá của CBQL và GV, SV lại đánh giá “Số lượng SV tăng” (ĐTB = 2,30) xếp thứ bậc 1 trong các khó khăn được đưa ra. Thật vậy, so với giai đoạn trước năm 2020, chỉ tiêu tuyển sinh của các trường CĐSPTW tăng lên đáng kể, đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với các trường CĐSPTW vì phải có chiến lược, kế hoạch cụ thể về cơ sở vật chất, về đội ngũ GV, về quản lý chương trình

đào để đảm bảo quá trình đào tạo được xuyên suốt, đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức, cũng như kỹ năng nghề cũng như giáo dục ĐĐNN cho SV. Để tìm hiểu cụ thể về những khó khăn từ chính SV, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu SV Trường CĐSPTW TPHCM. Kết quả cho thấy, do trường có 2 cơ sở với vị trí địa lý cách xa nhau và phân bố SV năm 1, năm 2 học tập ở cơ sở 2, năm 3 học tập ở cơ sở 1 nên có một số hoạt động tổ chức các bạn ít, thậm chí hiếm khi tham gia vì khoảng cách địa lý. Mở rộng phạm vi tìm hiểu đến Trường CĐSPTW – Nha Trang và trường CĐSPTW thì các bạn cho biết, một số các hoạt động chuyên đề, hoạt động phong trào do Đoàn Thanh niên – Hội SV tổ chức trùng với giờ học của các bạn hoặc gần với giờ học của các bạn hoặc trùng với giờ làm thêm của các bạn hoặc thông báo quá gần với thời gian tổ chức nên các bạn không kịp sắp xếp việc cá nhân. Đây là yếu tố khó khăn mà các trường CĐSPTW cần chú tâm, vì theo phương châm “giáo dục lấy người học làm trung tâm” cũng như đối tượng của giáo dục ĐĐNN chính là SV ngành GDMN nên những khó khăn xuất phát từ chính nội tại của SV cần được ưu tiên xem xét trong quá trình tổ chức, triển khai, thực hiện các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV.

Như vậy, trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN đã có những khó khăn nhất định, tuy nhiên mức độ tác động tiêu cực của các khó khăn này đến hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN chỉ dừng mức trung bình. Vì vậy, tác giả cho rằng các khó khăn này cần sớm được khắc phục tối đa, tận gốc trong tương lai gần, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW.

2.2. Một số biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các Trường CĐSPTW

Dựa trên những đánh giá về thuận lợi và khó khăn khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN thông qua khảo sát với CBQL, GV và SV, bài viết đưa ra một số biện pháp nhằm phát huy những thuận lợi đang có cũng như khắc phục những khó khăn gặp phải, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW.

2.2.1. Biện pháp 1. Tích hợp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN vào các học phần trong chương trình đào tạo

a. Cơ sở xác định biện pháp

Dựa vào thuận lợi về việc “Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường”, “Có sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường”, “Có môi trường giáo dục thuận lợi”, đồng thời khắc phục các khó khăn như “Những quy định về đào tạo ngành GDMN không dành nhiều thời gian bồi dưỡng những vấn đề về giáo dục ĐĐNN”, “Nguồn tư liệu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN còn hạn chế”. Từ đó, xây dựng biện pháp “Tích hợp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN vào các học phần trong chương trình đào tạo.

b. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN thông qua việc tích hợp vào các học phần trong chương trình đào tạo.

c. Nội dung

Đưa giáo dục ĐĐNN vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo GVMN tại trường. Ban hành chuẩn đầu ra chú trọng ĐĐNN cho SV ngành GDMN tạo nên đặc trưng riêng của các trường CĐSPTW. Ban hành chương trình đào tạo có mục tiêu “đào tạo SV đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tư duy đạo đức, phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non”.

Xây dựng lộ trình để tích hợp mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN vào các học phần cơ sở, chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Theo đó, xây dựng chương trình đào tạo GVMN gắn kết giữa lí thuyết với thực tiễn, lí luận với thực hành tại cơ sở GDMN, tiến hành lựa chọn các nội dung về ĐĐNN phù hợp, lựa chọn các học phần, phương thức tích hợp để đảm bảo quá trình tích hợp hài hòa, không gượng ép.

Dựa trên chương trình đào tạo đã ban hành tiến hành thẩm định các đề cương chi tiết gắn kết một cách có chọn lọc giữa nội dung giáo dục ĐĐNN với kiến thức của môn học:

- Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chung: Giúp cung cấp những hiểu biết về pháp luật, về nhà nước, về ngành giáo dục từ đó góp phần hình thành nền tảng ý thức chấp hành nghiêm pháp luật, quy định của nhà trường cho SV. Đồng thời hình thành thái độ hành vi ứng xử phù hợp với quy định của nhà nước, của ngành đối với GVMN.

- Đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: Giúp cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu về GDMN như đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, cung cấp các kĩ năng cần thiết để hoạt động với trẻ, hiểu rõ những yêu cầu cần thiết để làm nghề. Từ đó hình thành tình yêu, lí tưởng nghề nghiệp và giúp SV hành xử theo chuẩn mực đạo đức xã hội.

Biên soạn, biên dịch các tài liệu liên quan đến giáo dục ĐĐNN cho SV đặc biệt là SV ngành GDMN để phổ biến đến đội ngũ GV và SV tại trường.

d. Điều kiện thực hiện

Đảng ủy nhà trường ban hành Nghị quyết có liên quan đến giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, triển khai trong toàn trường để các lực lượng giáo dục trong nhà trường và SV được quán triệt một cách sâu sắc và toàn diện.

Ban Giám hiệu xây dựng chiến lược phát triển tổng thể, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong đó có nội dung liên quan đến tăng cường giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Các đơn vị trong nhà trường tham mưu, phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện thành công các kế hoạch được giao.

*2.2.2. Biện pháp 2. Tích hợp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN vào hoạt động ngoại khóa**a. Cơ sở xác định biện pháp*

Dựa trên các yếu tố thuận lợi “Có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong Nhà trường”, “Có sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường”, “Có môi trường giáo dục thuận lợi” “Có sự nhiệt tình tham gia các hoạt động do Nhà trường tổ chức của SV” khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN và các khó khăn khi giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN như: “Những quy định về đào tạo ngành GDMN không dành nhiều

thời gian bồi dưỡng những vấn đề về giáo dục ĐĐNN”, “Số lượng SV trong lớp tăng”, “Mất cân đối về số lượng giảng viên dẫn đến một số giảng viên phải dạy các học phần chưa đúng với chuyên môn được đào tạo”, “Công tác nghiên cứu khoa học của SV chưa lan tỏa”. Các đơn vị liên quan thống nhất lập kế hoạch đưa ra các hoạt động ngoại khóa phù hợp để giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

b. Mục tiêu

Tích hợp các nội dung giáo dục ĐĐNN vào các hoạt động ngoại khóa, giúp bổ sung, củng cố, hoàn thiện kiến thức về ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Giúp SV ngành GDMN hiểu sâu sắc, thấu đáo về ĐĐNN thông qua các hoạt động ngoại khóa.

c. Nội dung

Trong chương trình đào tạo của các trường CĐSPTW, ngoài các hoạt động dạy học trên lớp thì hoạt động ngoại giờ tạo thành hệ thống hoàn chỉnh và toàn vẹn của chương trình. Nếu như hoạt động dạy học trên lớp là cơ sở nền tảng mang tính định hướng, phát triển ĐĐNN cho SV thì hoạt động ngoại khóa mang tính bổ sung, củng cố và có ý nghĩa hoàn thiện chương trình.

Lựa chọn các nội dung giáo dục ĐĐNN, xác định khả năng tích hợp các nội dung này với các hoạt động ngoại khóa tổ chức tại trường. Theo đó, cần xác định các nội dung giáo dục ĐĐNN, xác định các hoạt động ngoại khóa được tổ chức hàng năm từ đó xác định được mức độ tích hợp giữa các nội dung giáo dục ĐĐNN với các hoạt động là tích hợp toàn phần, một phần hay liên hệ (Truong, 2014).

Ban hành kế hoạch chi tiết năm học, trong đó phân bổ thời khóa biểu học trên lớp, thời gian thực hành, thực tập, thời gian thi, thời gian dự phòng để việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa không trùng với các thời gian khác, thuận tiện để SV tham dự.

Tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa với thời gian phù hợp để thu hút đông đảo SV tham gia, chẳng hạn như: (1) Tổ chức các cuộc thi cùng tìm hiểu ĐĐNN, tìm hiểu về truyền thống của trường, viết về ngôi trường sư phạm, vẽ về nghề nghiệp tương lai, hội thi nghiệp vụ sư phạm; (2) Tổ chức các chương trình giao lưu giữa SV với SV, giữa SV với cựu SV, chương trình tự hào SV ngành GDMN, (3) Tổ chức tọa đàm SV với nghề GVMN, các buổi sinh hoạt chuyên đề với khách mời là các cựu SV, các chuyên đề về định hướng nghề nghiệp và rèn luyện kỹ năng nghề cho SV, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và ý thức chấp hành nội quy cho SV. Thông qua đó giúp SV có điều kiện trao đổi, phân tích, bày tỏ quan điểm của mình về nghề nghiệp và hiểu sâu sắc hơn tầm quan trọng của ĐĐNN trong quá trình thực hiện công việc sau này. Sau khi thực hiện sẽ tiến hành đánh giá và rút kinh nghiệm.

Ban Giám hiệu chỉ đạo Đoàn Thanh niên, Hội SV phối hợp chặt chẽ với khoa chuyên môn để xây dựng, thiết kế các hoạt động phù hợp.

Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất về nhân lực, tài lực và vật lực cho quá trình tổ chức.

d. Điều kiện thực hiện

Cần có sự định hướng của Đảng ủy Nhà trường, sự chỉ đạo từ Ban Giám hiệu, sự phối hợp đồng bộ các đơn vị chức năng trong nhà trường.

Các trường CĐSPTW cần dành một nguồn tài chính nhất định cho hoạt động tập huấn, chuyên đề, tọa đàm, hội thi và chương trình về giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Cần tăng cường nhận thức của SV về ý nghĩa của các hoạt động ngoại khóa.

Các hoạt động ngoại khóa phải đảm bảo đa dạng, phong phú về hình thức, sinh động về mặt nội dung để đảm bảo thu hút sự tham gia của SV và để đảm bảo giáo dục ĐĐNN đạt hiệu quả cao.

3. Kết luận

GVMN đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình giáo dục trẻ mầm non, góp phần đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển hiện tại cũng như tương lai của trẻ. Bên cạnh chuyên môn thì đạo đức của giáo viên ảnh hưởng đến trẻ rất nhiều, chính vì vậy, chương trình đào tạo GVMN cần chú trọng đến giáo dục ĐĐNN. Bài viết tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại các trường CĐSPTW thông qua đánh giá của CBQL, GV, SV. Kết quả cho thấy đã có những thuận lợi nhất định trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Những thuận lợi này sẽ là lợi thế để các trường phát huy. Tuy nhiên, cũng có những khó khăn còn tồn tại, việc đưa ra các biện pháp khắc phục những khó khăn này sẽ góp phần cải thiện hiệu quả của quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Các biện pháp nếu được tiến hành đồng bộ, xuyên suốt sẽ góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này thuộc đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện từ năm 2023, Mã số B2023-CM3-01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, T. T. M. (2016). *Giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien cao dang su pham trong boi canh doi moi giao duc [Professional ethics education for pedagogical college students in the context of educational innovation]* [Doctoral thesis, Theory and History of Education]. Hanoi University of Education.
- Dinh, H. M. (2024). *Nhan thuc cua sinh vien nganh Giao duc mam non ve viec giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien tai Truong Cao dang Su pham Trung uong – Nha Trang [Perceptions of students majoring in Early Childhood Education about professional ethics education for students at Nha Trang – National College of Pedagogy]. Ki yeu hoi thao khoa hoc quoc gia: Giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien nganh Giao duc mam non – Thuc trang va Giai phap [Professional ethics education for students majoring in Early Childhood Education - Current situation and solutions]* (pp.85-101).
- Duong, H. C., & Vo, T. L. (2016). *Giai phap giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien nganh Giao duc mam non khu vuc Dong bang song Cuu Long [Professional ethics education solution for students majoring in Early Childhood Education in the Mekong Delta region]. Vietnam Journal of Education, (391), 26-29.*

- Ha, T. N. (2017). Mot so bien phap giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien su pham mam non trong giai doan hien nay [Some measures to educate professional ethics for preschool pedagogical students in the current period]. *Vietnam Journal of Education*, (8-special), 11-12&19.
- La, T. B. L., Bui, T. L., & Nguyen, T. M, D (2021). Thuc trang giao duc dao duc nghe nghiep cho giao vien mam non [Current status of professional ethics education for preschool teachers]. *HNUE Journal of Science*, 66(4C).
- Nguyen, N. B. (2023). Solutions to improve the quality of professional ethics for students of preschool education in the path of fundamental and comprehensive renovation of education and training in Vietnam. *Revista De Gestão E Secretariado (Management and Administrative Professional Review)*, 14(8), 14600-14614. <https://doi.org/10.7769/gesec.v14i8.2700>
- Nguyen, T. H. N. (2024). Giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien ngành Giao duc mam non Truong Cao dang Su pham Trung uong – Nha Trang [Professional ethics education for students majoring in Early Childhood Education at Nha Trang – National College of pedagogy]. *Ki yeu hoi thao khoa hoc quoc gia: Giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien ngành Giao duc mam non – Thuc trang va Giai phap* [Professional ethics education for students majoring in Early Childhood Education – Current situation and solutions] (pp.106-117).
- Nguyen, T. T. (2019). *Dao duc nghe nghiep cua giao vien mam non o Viet Nam hien nay (Qua khao sat thuc te mot so tinh phia Bac)* [Professional ethics of preschool teachers in Vietnam today (Through a field survey of some Northern provinces)] [Doctoral thesis, Dialectical materialism and historical materialism]. Ho Chi Minh National Academy of Politics.
- Nguyen, T. T., & Nguyen, T. T. N. (2024). Mot so giai phap gop phan nang cao hieu qua giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien ngành Giao duc mam non tai Truong Cao dang Su pham Trung uong – Nha Trang [Some solutions contribute to improving the effectiveness of professional ethics education for students majoring in Early Childhood Education at Nha Trang – National College of Pedagogy]. *Ki yeu hoi thao khoa hoc quoc gia: Giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien ngành Giao duc mam non – Thuc trang va Giai phap* [Professional ethics education for students majoring in Early Childhood Education - Current situation and solutions] (pp.249-260).
- Nguyen, T. S. (2019). Giao duc dao duc nghe nghiep cho sinh vien ngành Giao duc mam non Truong Cao dang Su pham Dien Bien [Professional ethics education for students majoring in Early Childhood Education at Dien Bien Teachers' Training College]. *Vietnam Journal of Education*, (464), 39-43.
- Truong, T. X. H. (2014). *Li luan day hoc hien dai – Day hoc tich hop trong truong pho thong va truong mam non* [Modern teaching theory - Integrated teaching in high schools and preschools]. Lao Dong Publishing House.

**PROFESSIONAL ETHICS EDUCATION FOR EARLY CHILDHOOD STUDENTS
IN NATIONAL COLLEGES OF EDUCATION**

Nguyễn Nguyên Bình

The National College of Education Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Ho Thi Truc Quynh – Email: httquynh@hueuni.edu.vn

Received: May 21, 2024; Revised: June 05, 2024; Accepted: July 29, 2024

ABSTRACT

Recognizing the significance of professional ethics in the work of preschool teachers, this study surveyed over 160 individuals, including managers, lecturers, and students majoring in Early Childhood Education, both graduates and current students from three National Colleges of Education. The survey aimed to identify the challenges and advantages in professional ethics education. The results indicate that managers, lecturers, and students generally rated the enabling factors in the study with high average scores. However, certain challenges remain in the process of educating students in professional ethics within Early Childhood Education programs at these colleges. Based on these findings, the study proposes several measures to address these challenges and enhance the advantages, ultimately contributing to improving the effectiveness of professional ethics education for Early Childhood Education students.

Keywords: education; enablers; challenges; early childhood education; professional ethics